

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT
TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC THI
HIỆP ĐỊNH EVFTA TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU RAU
QUẢ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG
7 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

THUỘC NHIỆM VỤ
Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển
khai hiệp định EVFTA
Năm 2025

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	7
1. Tổng quan tình hình xuất khẩu rau quả sang thị trường EU	7
2. Cơ cấu thị trường trong EVFTA theo kim ngạch xuất khẩu rau quả từ Việt Nam	8
3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng rau quả xuất khẩu sang thị trường các thành viên EVFTA	12
4. Một số đánh giá tác động về tác động hiệp định EVFTA đến xuất khẩu rau quả của Việt Nam	14
5. Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng rau quả Việt Nam tại thị trường EU	15
5.1. Nhập khẩu mặt hàng quả và quả hạch (mã HS 08) vào EU	16
5.2. Nhập khẩu mặt hàng rau quả chế biến (mã HS 20) vào EU	18
II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU RAU QUẢ TRONG THỰC THI EVFTA	21
1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU	21
2. Các yếu tố tác động từ thị trường Việt Nam	22
III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	23
1. Dự báo xu hướng	23
2. Một số khuyến nghị	23

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Cơ cấu thị trường thành viên trong xuất khẩu rau quả từ Việt Nam sang EU trong 7 tháng đầu năm 2025	11
Biểu đồ 2: Chứng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 7 tháng năm 2025 (<i>% tính theo trị giá</i>)	14
Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EVFTA 7 tháng đầu năm 2020 – 2025	15
Biểu đồ 4: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng rau quả (mã HS 08, 20) lớn nhất vào thị trường EU trong 5 tháng đầu năm 2025	16
Biểu đồ 5: Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng quả và quả hạch (mã HS 08) của thị trường EU qua các tháng	18
Biểu đồ 6: Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng rau quả chế biến (mã HS 20) của thị trường EU qua các tháng	21

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA so sánh với xuất khẩu rau quả Việt Nam ra thế giới.....	8
Bảng 2: Thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thành viên Hiệp định EVFTA trong 7 tháng đầu năm 2025.....	9
Bảng 3: Cơ cấu chứng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 7 tháng năm 2025 (<i>% tính theo trị giá</i>)	12
Bảng 4: Nhập khẩu mặt hàng rau quả của một số thành viên EU (mã HS 08) trong 5 tháng đầu năm 2025	17
Bảng 5: Nhập khẩu mặt hàng rau quả chế biến của một số thành viên EU (mã HS 20) trong 5 tháng đầu năm 2025.....	19

TÓM TẮT NỘI DUNG

Theo số liệu thống kê từ Hải quan Việt Nam, trong tháng 7/2025, hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA tiếp tục ghi nhận tín hiệu tăng trưởng tích cực. Kim ngạch đạt 48,76 triệu USD, tăng 2,53% so với tháng trước và đặc biệt tăng tới 85,2% so với cùng kỳ năm 2024. Kết quả này cho thấy nhu cầu đối với rau quả Việt Nam tại thị trường EU không chỉ ổn định mà còn mở rộng, nhất là trong bối cảnh người tiêu dùng châu Âu ngày càng quan tâm đến các sản phẩm nông sản xanh, an toàn và có tính bền vững cao.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang khu vực này đạt 282,84 triệu USD, tăng mạnh 49,77% so với cùng kỳ năm trước. Đây là minh chứng rõ rệt cho sự hiệu quả của EVFTA trong việc tạo ra ưu thế cạnh tranh về thuế quan và thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh đầu tư vào chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm cũng như truy xuất nguồn gốc. Với đà tăng trưởng ấn tượng này, rau quả đang trở thành một trong những nhóm hàng nông sản có triển vọng lớn tại EU, không chỉ góp phần nâng cao giá trị xuất khẩu của Việt Nam mà còn khẳng định vị thế ngày càng vững chắc của nông sản Việt trên thị trường quốc tế.

Trong 7 tháng đầu năm 2025, cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các quốc gia thành viên EVFTA vẫn ghi nhận Hà Lan là thị trường đóng vai trò là thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam trong khối với kim ngạch đạt 95,46 triệu USD, tăng 35,63% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 33,75% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EVFTA. Tuy nhiên, tỷ trọng này đã sụt giảm so với mức 37,27% của cùng kỳ năm 2024, cho thấy sự đa dạng hóa thị trường và sự nổi lên của các đối tác khác bên cạnh Hà Lan. Dù kim ngạch xuất khẩu trong tháng 7/2025 giảm 24,52% so với tháng trước, song mức tăng 60,74% so với cùng tháng năm trước khẳng định Hà Lan vẫn là cửa ngõ quan trọng để rau quả Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường châu Âu nhờ hệ thống trung chuyển và logistics phát triển hàng đầu khu vực.

Đứng ở vị trí thứ hai là thị trường Đức với kim ngạch xuất khẩu 47,03 triệu USD trong 7 tháng, tăng 24,69% so với cùng kỳ và chiếm 16,63% tổng kim ngạch, thấp hơn so với tỷ trọng 19,97% của năm 2024. Đặc biệt, trong tháng 7/2025, xuất khẩu rau quả sang Đức đạt 7,25 triệu USD, tăng mạnh 52,28% so với tháng trước và tăng 35,04% so với cùng kỳ. Các con số tăng trưởng này đã cho thấy nhu cầu ổn định và ngày càng mở rộng tại Đức. Mặc dù tỷ trọng trong tổng kim

ngạch giảm nhẹ, Đức vẫn giữ vai trò quan trọng, không chỉ là thị trường tiêu thụ trực tiếp mà còn là đầu mối phân phối cho khu vực Trung và Tây Âu.

Cơ cấu chủng loại rau quả Việt Nam xuất khẩu sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA trong tháng 7/2025 và lũy kế 7 tháng đầu năm cho thấy một bức tranh tăng và vẫn tập trung vào những nhóm hàng chủ lực. Đứng đầu là nhóm quả và quả hạch, với kim ngạch tháng 7 đạt 23,14 triệu USD, tăng 15,97% so với tháng trước và tăng 87,03% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế 7 tháng, nhóm này đạt 136,1 triệu USD, tăng 50,79% và chiếm 48,12% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EVFTA, cao hơn mức 47,79% cùng kỳ. Sự tăng trưởng này cho thấy trái cây tươi, đặc biệt là các loại quả nhiệt đới như thanh long, xoài, chuối hay chôm chôm, tiếp tục giữ vị trí hoa quả chủ lực nhờ phù hợp với nhu cầu tiêu dùng đa dạng, giàu dinh dưỡng và xu hướng ưa chuộng thực phẩm xanh, sạch tại thị trường châu Âu.

Theo số liệu mới nhất từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 5 tháng đầu năm 2025, EU đã nhập khẩu tổng cộng 44 tỷ USD mặt hàng rau quả (mã HS 08,20) từ nhiều thị trường trên thế giới. Trong đó, Tây Ban Nha nổi lên là thị trường cung ứng hàng đầu cho EU với kim ngạch nhập khẩu đạt 6,01 tỷ USD, chiếm tới 13,56% tổng giá trị nhập khẩu. Vị trí số một của Tây Ban Nha cho thấy vai trò của quốc gia này trong khu vực châu Âu nhờ lợi thế về điều kiện khí hậu, năng lực sản xuất quy mô lớn cũng như hệ thống logistics hiện đại.

Đứng thứ hai là Hà Lan, với kim ngạch đạt 4,7 tỷ USD (chiếm 10,6%), không chỉ là nhà cung ứng trực tiếp mà còn là trung tâm trung chuyển, tái xuất hàng rau quả vào các thị trường thành viên EU khác. Đức đứng thứ ba với 3,3 tỷ USD, chiếm 7,41%. Thị trường Đức vừa đóng ánh vai trò là quốc gia nhập khẩu phục vụ tiêu dùng nội địa khổng lồ, vừa là thị trường có hoạt động tái phân phối trong nội khối.

Việt Nam xếp ở vị trí thứ 22 trong số các nguồn cung ứng rau quả vào EU với trị giá 555,82 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,25% tổng nhập khẩu nhóm hàng này vào EU (bao gồm từ cả các thị trường nội và ngoại khối) trong 5 tháng đầu năm 2025.

Dù con số này còn khá khiêm tốn so với các thị trường lớn, nhưng sự hiện diện của Việt Nam trong nhóm 25 nhà cung ứng hàng đầu cho thấy tiềm năng mở rộng thị phần tại thị trường khó tính nhưng đầy triển vọng này, đặc biệt khi tận dụng hiệu quả các ưu đãi từ Hiệp định EVFTA cũng như xu hướng tiêu dùng ngày càng ưa chuộng sản phẩm nhiệt đới và hữu cơ tại châu Âu.

Trong những tháng còn lại của năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên EVFTA được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, nhờ sự cộng hưởng của cả yếu tố cung trong nước lẫn cầu từ thị trường châu Âu. Nhu cầu nhập khẩu rau quả tại EU dự kiến vẫn tăng cao khi mùa đông cận kề, nguồn cung nội khối suy giảm do điều kiện khí hậu bất lợi, trong khi xu hướng tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn và giàu dinh dưỡng ngày càng mạnh mẽ. Đây là cơ hội lớn để trái cây nhiệt đới và rau quả chế biến của Việt Nam mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, hiệu ứng từ EVFTA tiếp tục phát huy tác dụng, giúp nhiều mặt hàng rau quả Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan và tạo lợi thế cạnh tranh so với nguồn cung từ các quốc gia ngoài khối. Trong nước, nhiều doanh nghiệp đã đẩy mạnh đầu tư vào chế biến sâu, nâng cao chất lượng và cải thiện logistics, giúp sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn khắt khe của EU. Tuy vậy, xuất khẩu rau quả trong những tháng cuối năm cũng sẽ đối diện với một số thách thức, như chi phí vận tải quốc tế còn cao, nguy cơ gia tăng các rào cản kỹ thuật từ EU, cũng như sự cạnh tranh gay gắt từ các nước Nam Mỹ và châu Phi. Nhìn chung, với xu hướng tiêu dùng thuận lợi, lợi thế từ hiệp định thương mại và sự cải thiện nội lực trong nước, nhiều khả năng xuất khẩu rau quả sang EVFTA sẽ khép lại năm 2025 với mức tăng trưởng, góp phần củng cố vị thế nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

NỘI DUNG CHI TIẾT

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Tổng quan tình hình xuất khẩu rau quả sang thị trường EU

Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA đã thể hiện xu hướng tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 10,65%/tháng, một con số cho thấy sức bật đáng kể so với bối cảnh chung của thương mại nông sản toàn cầu. Cụ thể, ngay từ tháng 1/2025, kim ngạch xuất khẩu đã đạt 28,67 triệu USD, tạo nền tảng khởi đầu tích cực. Sang tháng 2, do trùng thời điểm nghỉ Tết Nguyên đán và nhu cầu tiêu thụ chững lại, kim ngạch giảm xuống 23,64 triệu USD. Tuy nhiên, từ tháng 3 trở đi, thị trường EVFTA chứng kiến sự bứt phá liên tiếp: tháng 3 đạt 38,69 triệu USD, tháng 4 tiếp tục tăng lên 41,34 triệu USD, và đặc biệt tháng 5 vọt lên mức kỷ lục 54,44 triệu USD, có thể do nhu cầu tiêu thụ tăng cao trong mùa hè châu Âu. Dù sau đó có sự điều chỉnh nhẹ trong tháng 6 xuống 47,56 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu đã nhanh chóng lấy lại đà tăng trong tháng 7/2025, đạt 48,76 triệu USD, cao hơn tháng trước và tăng tới 85,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Diễn biến này cho thấy sự ổn định trong cầu tiêu dùng tại châu Âu đối với rau quả Việt Nam, đặc biệt là các sản phẩm nhiệt đới và chế biến sâu. Đà tăng trưởng khá đều qua từng tháng cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đã dần xây dựng được vị thế vững chắc hơn tại thị trường EVFTA, không còn phụ thuộc quá nhiều vào yếu tố mùa vụ. Hơn nữa, việc kim ngạch tháng 5–7 duy trì ở mức cao trên 47 triệu USD cho thấy EU đang trở thành khu vực thị trường quan trọng.

Theo số liệu từ Hải quan Việt Nam, trong tháng 7/2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA đạt 48,76 triệu USD, tăng 2,53% so với tháng trước và đặc biệt tăng tới 85,2% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế 7 tháng đầu năm, con số này đạt 282,84 triệu USD, tăng trưởng 49,77% và chiếm 7,31% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước, một bước tiến rõ rệt so với tỷ trọng 4,87% của cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng về tỷ trọng xuất khẩu sang EU trong cơ cấu xuất khẩu rau quả phản ánh rõ ràng hiệu ứng tích cực từ Hiệp định EVFTA, khi các doanh nghiệp Việt Nam tận dụng tốt ưu đãi thuế quan cũng như đáp ứng ngày càng tốt hơn các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng và an toàn thực phẩm của thị trường châu Âu.

Trong khi đó, xuất khẩu rau quả của Việt Nam ra thế giới nói chung lại có những dấu hiệu chững lại. Dù trong tháng 7/2025 kim ngạch vẫn đạt 764,84 triệu USD, tăng 38,49% so với cùng tháng năm trước, nhưng lại giảm 5,21% so với tháng trước. Đáng chú ý hơn, lũy kế 7 tháng đầu năm chỉ đạt 3,87 tỷ USD, giảm nhẹ 0,31% so với cùng kỳ. Sự suy giảm này phản ánh những khó khăn khi cạnh tranh tại các thị trường truyền thống, chịu tác động từ biến động kinh tế toàn cầu, chi phí logistics, cũng như sự gia tăng các rào cản kỹ thuật.

So sánh hai xu hướng này cho thấy EVFTA đang đóng vai trò quan trọng, giúp xuất khẩu rau quả Việt Nam duy trì được đà tăng trưởng trong bối cảnh toàn cầu không mấy thuận lợi. Nếu xuất khẩu chung ra thế giới bộc lộ dấu hiệu bão hòa, thì thị trường EVFTA lại chứng minh tiềm năng mở rộng rất lớn. Điều đó đặt ra yêu cầu cho ngành hàng rau quả Việt Nam cần tiếp tục khai thác mạnh mẽ cơ hội tại EVFTA, đồng thời nâng cao năng lực chế biến sâu, xây dựng thương hiệu và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, để không chỉ duy trì lợi thế tại châu Âu mà còn tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng bền vững trên thị trường toàn cầu.

Bảng 1: Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA so sánh với xuất khẩu rau quả Việt Nam ra thế giới

	Tháng 7 /2025			7 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 6/2025 (%)	So với Tháng 7/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 7 Tháng 2024 (%)	7 Tháng 2025 (%)	7 Tháng 2024 (%)
Thế giới	764,84	-5.21	38.49	3.868,87	-0.31	100	100
EVFTA	48,76	2,53	85,20	282,84	49,77	7,31	4,87

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

2. Cơ cấu thị trường trong EVFTA theo kim ngạch xuất khẩu rau quả từ Việt Nam

Trong tháng 7/2025, hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA tiếp tục ghi nhận tín hiệu tăng trưởng tích cực. Kim ngạch đạt 48,76 triệu USD, tăng 2,53% so với tháng trước và đặc biệt tăng tới 85,2% so với cùng kỳ năm 2024. Kết quả này cho thấy nhu cầu đối với rau quả Việt Nam tại thị trường EU không chỉ ổn định mà còn mở rộng, nhất là trong bối cảnh người

tiêu dùng châu Âu ngày càng quan tâm đến các sản phẩm nông sản xanh, an toàn và có tính bền vững cao.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang khu vực này đạt 282,84 triệu USD, tăng mạnh 49,77% so với cùng kỳ năm trước. Đây là minh chứng rõ rệt cho sự hiệu quả của EVFTA trong việc tạo ra ưu thế cạnh tranh về thuế quan và thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh đầu tư vào chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm cũng như truy xuất nguồn gốc. Với đà tăng trưởng ấn tượng này, rau quả đang trở thành một trong những nhóm hàng nông sản có triển vọng lớn tại EU, không chỉ góp phần nâng cao giá trị xuất khẩu của Việt Nam mà còn khẳng định vị thế ngày càng vững chắc của nông sản Việt trên thị trường quốc tế.

Trong 7 tháng đầu năm 2025, cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các quốc gia thành viên EVFTA vẫn ghi nhận Hà Lan là thị trường đóng vai trò là thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam trong khối với kim ngạch đạt 95,46 triệu USD, tăng 35,63% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 33,75% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EVFTA. Tuy nhiên, tỷ trọng này đã sụt giảm so với mức 37,27% của cùng kỳ năm 2024, cho thấy sự đa dạng hóa thị trường và sự nổi lên của các đối tác khác bên cạnh Hà Lan. Dù kim ngạch xuất khẩu trong tháng 7/2025 giảm 24,52% so với tháng trước, song mức tăng 60,74% so với cùng tháng năm trước khẳng định Hà Lan vẫn là cửa ngõ quan trọng để rau quả Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường châu Âu nhờ hệ thống trung chuyển và logistics phát triển hàng đầu khu vực.

Bảng 2: Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên EVFTA trong 7 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 7/2025			7 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 6/2025 (%)	So với Tháng 7/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 7 Tháng 2024 (%)	7 Tháng 2025 (%)	7 Tháng 2024 (%)
Tổng	48,76	2,53	85,20	282,84	49,77	100	100
Hà Lan	15,73	-24,52	60,74	95,46	35,63	33,75	37,27
Đức	7,25	52,28	35,04	47,03	24,69	16,63	19,97
Pháp	4,82	-7,52	76,22	34,03	35,72	12,03	13,27
Ba Lan	3,14	-15,09	21,54	23,16	55,49	8,19	7,89
Italy	6,86	116,15	334,70	20,85	255,84	7,37	3,10
Tây Ban	4,39	2,23	298,11	20,25	154,22	7,16	4,22

Thị trường	Tháng 7/2025			7 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 6/2025 (%)	So với Tháng 7/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 7 Tháng 2024 (%)	7 Tháng 2025 (%)	7 Tháng 2024 (%)
Nha							
Bỉ	1,54	27,99	68,60	9,92	21,25	3,51	4,33
Lithuania	1,76	128,29	111,00	8,44	20,16	2,98	3,72
Romania	0,50	-40,32	96,16	6,14	63,62	2,17	1,99
Thụy Điển	0,86	-24,88	173,16	5,59	204,84	1,98	0,97
CH Séc	0,19	-40,63	-17,59	2,37	51,10	0,84	0,83
Hy Lạp	0,34	68,46	405,54	1,82	278,12	0,64	0,25
Bồ Đào Nha	0,33	253,66	391,84	1,59	5,76	0,56	0,80
Estonia	0,02	-83,18	-46,41	1,46	244,80	0,52	0,22
Đan Mạch	0,26	38,30	209,52	1,21	140,28	0,43	0,27
Bulgaria	0,40	-1,51	411,03	0,97	206,70	0,34	0,17
Latvia	0,08	10,07		0,66	25,15	0,23	0,28
Phần Lan	0,00	-100,00	-100,00	0,48	89,31	0,17	0,13
Slovenia	0,11	82,25	161,21	0,41	198,40	0,15	0,07
Síp	0,02	-56,17	-89,37	0,39	89,44	0,14	0,11
Ireland	0,07		23,90	0,21	100,98	0,07	0,06
Hungary	0,07	207,32		0,16	89,51	0,06	0,05
Malta	0,01			0,13	669,80	0,05	0,01
Áo	0,03		77,56	0,12	314,64	0,04	0,02

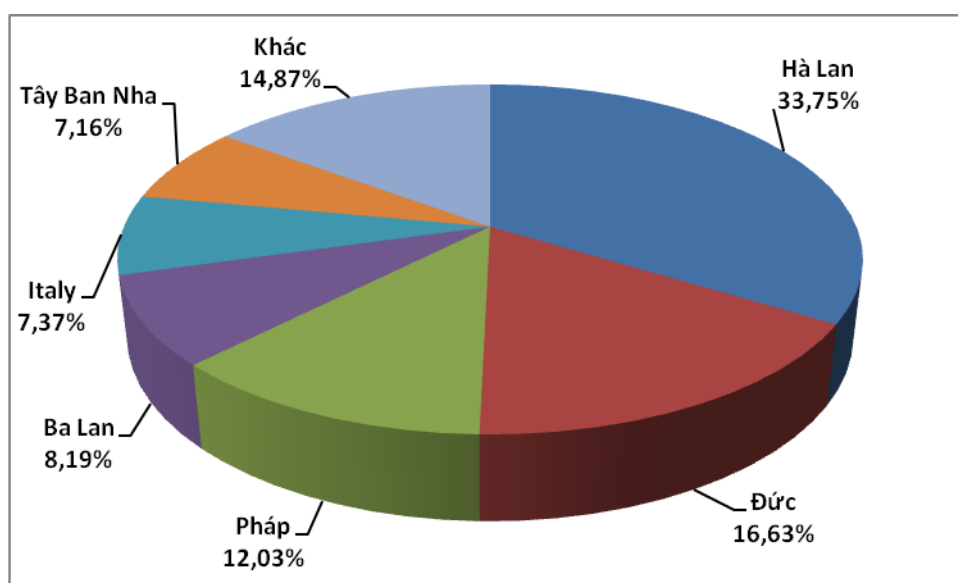
Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

Đứng ở vị trí thứ hai là thị trường Đức với kim ngạch xuất khẩu 47,03 triệu USD trong 7 tháng năm 2025, tăng 24,69% so với cùng kỳ và chiếm 16,63% tổng kim ngạch, thấp hơn so với tỷ trọng 19,97% của năm 2024. Đặc biệt, trong tháng 7/2025, xuất khẩu rau quả sang Đức đạt 7,25 triệu USD, tăng mạnh 52,28% so với tháng trước và tăng 35,04% so với cùng kỳ. Các con số tăng trưởng này đã cho thấy nhu cầu ổn định và ngày càng mở rộng tại Đức. Mặc dù tỷ trọng trong tổng kim ngạch giảm nhẹ, Đức vẫn giữ vai trò quan trọng, không chỉ là thị trường tiêu thụ trực tiếp mà còn là đầu mối phân phối cho khu vực Trung và Tây Âu.

Xếp ở vị trí thứ ba là thị trường Pháp với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 7/2025 đạt 4,82 triệu USD, giảm 7,52% so với tháng trước nhưng tăng 76,22% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Pháp đạt 34,03 triệu USD, tăng 35,72% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 12,03% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA, thấp hơn mức tỷ trọng 13,27% của cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 1: Cơ cấu thị trường thành viên trong xuất khẩu rau quả từ Việt Nam sang EU trong 7 tháng đầu năm 2025

(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

Đáng chú ý, một loạt quốc gia đã đạt mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu lên tới ba con số, cho thấy tiềm năng mở rộng thị trường rất lớn của rau quả Việt Nam tại châu Âu. Italy là điểm sáng khi kim ngạch xuất khẩu tăng 255,84% so với cùng kỳ năm trước, Thụy Điển cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 204,84%. Estonia và Bulgaria lần lượt tăng 244,8% và 206,7%... Sự bứt phá này cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đã chủ động thích ứng với yêu cầu khắt khe về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và an toàn thực phẩm, đồng thời tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan từ EVFTA để thâm nhập sâu hơn vào các ngách thị trường. Nhờ đó, bức tranh xuất khẩu rau quả sang EVFTA trong 7 tháng đầu năm 2025 không chỉ là sự tăng trưởng về lượng, mà còn là bước tiến quan trọng về chiều sâu, mở rộng cơ hội tại những điểm đến giàu tiềm năng ngoài các thị trường truyền thống.

Có thể thấy, cơ cấu thị trường trên phản ánh xu hướng tích cực, thay vì phụ thuộc quá lớn vào một thị trường duy nhất, rau quả Việt

Nam đang dần mở rộng sự hiện diện sang nhiều quốc gia thành viên EVFTA. Đây là nền tảng để ngành rau quả vừa duy trì tăng trưởng kim ngạch, vừa giảm thiểu rủi ro từ biến động của từng thị trường riêng lẻ, đồng thời khẳng định bước tiến về khả năng đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của nông sản Việt tại thị trường châu Âu.

3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng rau quả xuất khẩu sang thị trường các thành viên EVFTA

Cơ cấu chủng loại rau quả Việt Nam xuất khẩu sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA trong tháng 7/2025 và lũy kế 7 tháng đầu năm cho thấy vẫn tập trung vào những nhóm hàng chủ lực. Đứng đầu là nhóm quả và quả hạch, với kim ngạch tháng 7/2025 đạt 23,14 triệu USD, tăng 15,97% so với tháng trước và tăng 87,03% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế 7 tháng năm 2025, nhóm này đạt 136,1 triệu USD, tăng 50,79% và chiếm 48,12% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EVFTA, cao hơn mức 47,79% cùng kỳ. Sự tăng trưởng này cho thấy trái cây tươi, đặc biệt là các loại quả nhiệt đới như thanh long, xoài, chuối hay chôm chôm, tiếp tục giữ vị trí hoa quả chủ lực nhờ phù hợp với nhu cầu tiêu dùng đa dạng, giàu dinh dưỡng và xu hướng ưa chuộng thực phẩm xanh, sạch tại thị trường châu Âu.

Bảng 3: Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 7 tháng năm 2025 (% tính theo trị giá)

Chủng loại	Tháng 7/2025			7 Tháng 2025		Tỷ trọng của nhóm hàng	
	Trị giá (Triệu USD)	So với T6/2025 (%)	So với T7/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 7T/2024 (%)	7 Tháng 2025 (%)	7 Tháng 2024 (%)
Quả và quả hạch	23,14	15,97	87,03	136,10	50,79	48,12	47,79
Thanh long	0,30	-64,60	-62,69	7,89	0,25	2,79	4,17
Chanh	4,26	-24,56	72,87	38,02	48,27	13,44	13,58
Dừa	1,24	-36,38	28,65	9,76	58,53	3,45	3,26
Sầu riêng	0,14	205,44	4,34	0,66	-17,92	0,23	0,42
Xoài	5,45	22,79	42,33	37,07	37,27	13,11	14,30
Khác	11,76	67,38	181,67	42,71	87,39	15,10	12,07
Rau quả chế biến	22,78	-10,62	92,76	129,43	51,06	45,76	45,37
Rau quả đóng lon	2,52	52,45	98,34	14,13	100,72	5,00	3,73
Nước dừa	2,17	14,80	34,26	11,26	34,17	3,98	4,44
Nước ép	5,96	-52,86	21,80	45,11	23,56	15,95	19,33
Hoa quả sấy dẻo	1,70	32,10	198,36	8,58	47,03	3,03	3,09

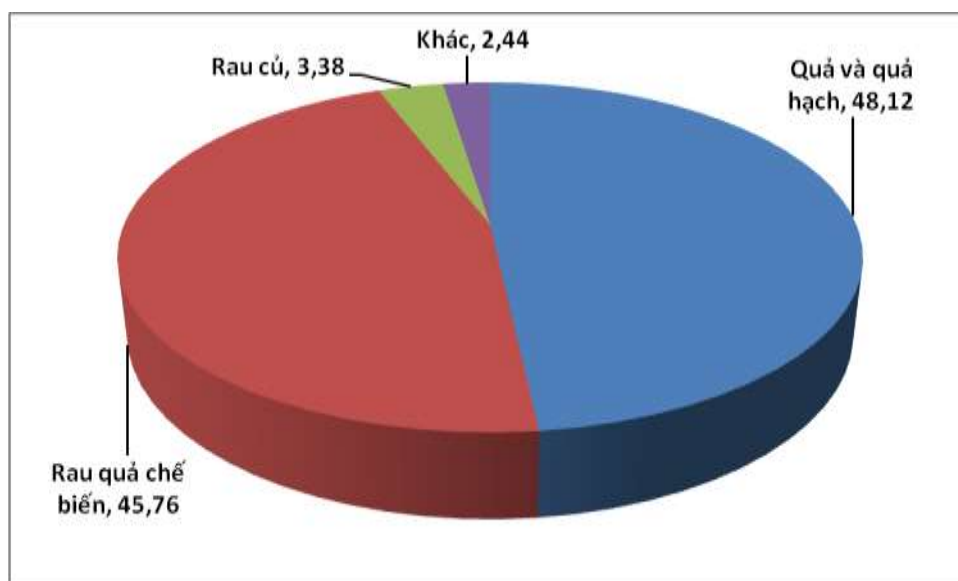
Chủng loại	Tháng 7/2025			7 Tháng 2025		Tỷ trọng của nhóm hàng	
	Trị giá (Triệu USD)	So với T6/2025 (%)	So với T7/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 7T/2024 (%)	7 Tháng 2025 (%)	7 Tháng 2024 (%)
Hoa quả sấ khô	0,48	34,51	270,57	1,66	51,97	0,59	0,58
Khác	9,94	29,86	197,92	48,69	81,58	17,22	14,20
Rau củ	1,66	23,13	0,29	9,57	5,83	3,38	4,79
Bắp	0,41	-26,22	-41,53	3,65	28,48	1,29	1,51
Khác	0,81	60,46	20,14	3,75	1,21	1,33	1,96
Khoai lang	0,15	27,78	75,95	0,73	10,27	0,26	0,35
Nấm	0,14	1174,89	602,45	0,33	103,62	0,12	0,08
Ớt	0,04	-37,69	38,70	0,32	-48,56	0,11	0,33
Sả	0,13	17,76	-18,74	0,78	-24,89	0,28	0,55
Khác	0,81	60,46	20,14	3,75	1,21	1,33	1,96
Chủng loại khác	1,02	68,33	111,80	6,90	78,42	2,44	2,05
Tổng	48,76	2,53	85,20	282,84	49,77	100	100

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

Đứng thứ hai là nhóm rau quả chế biến. Tháng 7/2025, kim ngạch đạt 22,78 triệu USD, dù giảm 10,62% so với tháng 6 nhưng vẫn tăng mạnh 92,76% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 7 tháng đạt 129,43 triệu USD, tăng 51,06% và chiếm 45,76% trong tổng kim ngạch, gần tương đồng với tỷ trọng 45,37% cùng kỳ 2024. Sự ổn định này phản ánh tiềm năng lâu dài của nhóm hàng chế biến, bởi nó không chỉ giúp kéo dài thời gian bảo quản, giảm rủi ro mùa vụ, mà còn phù hợp với thói quen tiêu dùng nhanh, tiện lợi, và nhu cầu an toàn thực phẩm của người dân châu Âu. Đây cũng là phân khúc có triển vọng nhất để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua đổi mới công nghệ và đầu tư vào các sản phẩm giá trị gia tăng cao như nước ép, hoa quả sấy, đóng hộp, hay sản phẩm hữu cơ.

Ở vị trí thứ ba, nhóm rau củ có quy mô khiêm tốn hơn. Kim ngạch tháng 7 đạt 1,66 triệu USD, tăng 23,13% so với tháng trước nhưng chỉ tăng nhẹ 0,29% so với cùng kỳ. Lũy kế 7 tháng đạt 9,57 triệu USD, tăng 5,83% so với cùng kỳ, chiếm 3,38% trong tổng kim ngạch, thấp hơn mức 4,79% cùng kỳ năm 2024. Diễn biến này cho thấy rau củ tươi của Việt Nam vẫn gặp khó khăn trong việc mở rộng thị phần tại EU, do vấp phải cạnh tranh mạnh từ các nhà cung ứng trong khu vực như Tây Ban Nha, Ý, Hà Lan... có lợi thế địa lý, logistics và tiêu chuẩn sản xuất đồng đều.

Biểu đồ 2: Chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 7 tháng năm 2025 (% tính theo trị giá)



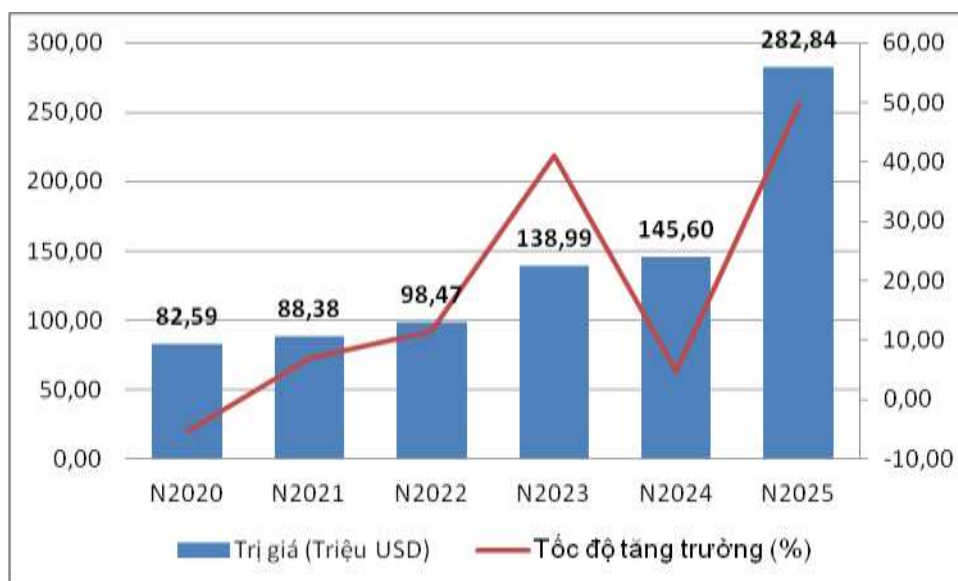
Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

4. Một số đánh giá tác động về tác động hiệp định EVFTA đến xuất khẩu rau quả của Việt Nam

Hiệp định Thương mại tự do EVFTA đã mang lại những tác động rõ rệt đến hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU, thể hiện qua sự biến động về kim ngạch trong những năm trước và sau khi hiệp định được thực thi. Năm 2020 là thời điểm EVFTA chính thức có hiệu lực cũng trùng với giai đoạn Anh rời EU, gây tác động đến kim ngạch xuất khẩu rau quả của các nước, trong đó có Việt Nam. Theo đó, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang khối này năm 2020 chỉ đạt 82,59 triệu USD, giảm 5,27% so với năm trước. Con số này phản ánh bối cảnh khó khăn ban đầu, khi doanh nghiệp phải thích nghi với các tiêu chuẩn khắt khe từ EU, đồng thời thị trường bị thu hẹp do mất đi thị trường Anh, vốn là một trong những đối tác nhập khẩu nông sản lớn.

Tuy nhiên, kể từ sau năm 2020, EVFTA bắt đầu phát huy hiệu quả khi nhiều dòng thuế được cắt giảm, mở rộng cơ hội cho hàng nông sản Việt Nam tiếp cận sâu hơn vào thị trường 27 nước thành viên EU. Đến năm 2024, giá trị xuất khẩu rau quả đã đạt 145,6 triệu USD, tăng 4,76% so với cùng kỳ, cho thấy tín hiệu phục hồi bền vững. Đặc biệt, trong 7 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu đã vọt lên 282,84 triệu USD, tăng 49,77% so với cùng kỳ, cho thấy sự bứt phá mạnh mẽ khi doanh nghiệp trong nước đã tận dụng tốt ưu đãi thuế quan, cải thiện chất lượng và đáp ứng tiêu chuẩn của EU.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EVFTA 7 tháng đầu các năm từ 2020 – 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Có thể thấy, sự khác biệt trước và sau khi EVFTA được thực thi rất rõ ràng khi giai đoạn 2020 còn chịu ảnh hưởng của Brexit và những rào cản ban đầu, thì đến năm 2024–2025, hiệp định đã chứng minh vai trò là yếu tố thúc đẩy quan trọng, giúp rau quả Việt Nam nâng cao sức cạnh tranh, mở rộng thị phần và tạo đà tăng trưởng ấn tượng tại thị trường châu Âu.

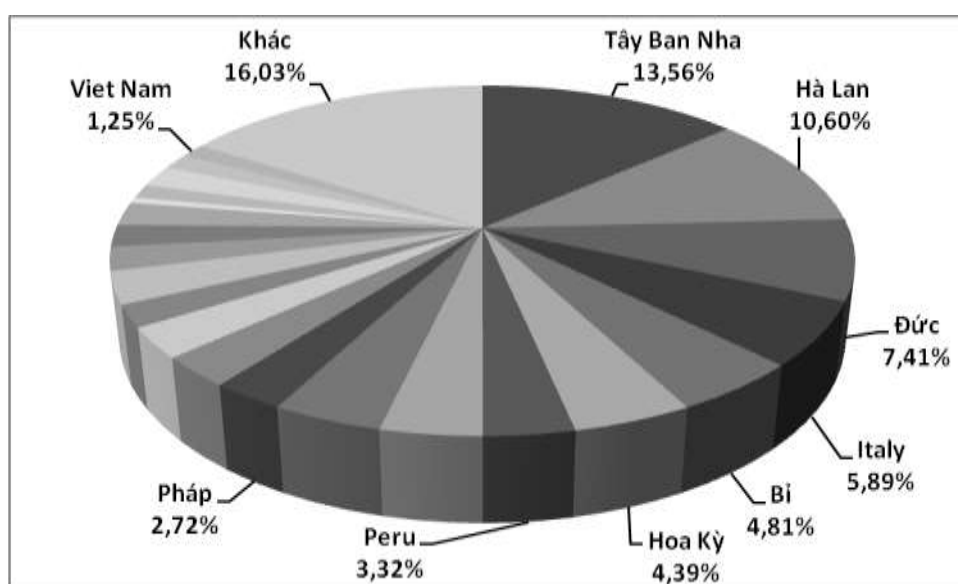
5. Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng rau quả Việt Nam tại thị trường EU

Theo số liệu mới nhất từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 5 tháng đầu năm 2025, EU đã nhập khẩu tổng cộng 44 tỷ USD mặt hàng rau quả (mã HS 08,20) từ nhiều thị trường trên thế giới. Trong đó, Tây Ban Nha nổi lên là thị trường cung ứng hàng đầu cho EU với kim ngạch nhập khẩu đạt 6,01 tỷ USD, chiếm tới 13,56% tổng giá trị nhập khẩu. Vị trí số một của Tây Ban Nha cho thấy vai trò của quốc gia này trong khu vực châu Âu nhờ lợi thế về điều kiện khí hậu, năng lực sản xuất quy mô lớn cũng như hệ thống logistics hiện đại.

Đứng thứ hai là Hà Lan, với kim ngạch đạt 4,7 tỷ USD (chiếm 10,6%), không chỉ là nhà cung ứng trực tiếp mà còn là trung tâm trung chuyển, tái xuất hàng rau quả vào các thị trường thành viên EU khác. Đức đứng thứ ba với 3,3 tỷ USD, chiếm 7,41%. Thị trường Đức vừa đóng ánh vai trò là quốc gia nhập khẩu phục vụ tiêu dùng nội địa khổng lồ, vừa là thị trường có hoạt động tái phân phối trong nội khối

Việt Nam xếp ở vị trí thứ 22 với kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU đạt 555,82 triệu USD trong 5 tháng đầu năm 2025, chiếm tỷ trọng 1,25% tổng nhập khẩu nhóm hàng này vào EU (bao gồm cả các thị trường nội và ngoại khối). Dù con số này còn khá khiêm tốn so với các thị trường lớn, nhưng sự hiện diện của Việt Nam trong nhóm 25 nhà cung ứng hàng đầu cho thấy tiềm năng mở rộng thị phần tại thị trường khó tính nhưng đầy triển vọng này, đặc biệt khi tận dụng hiệu quả các ưu đãi từ Hiệp định EVFTA cũng như xu hướng tiêu dùng ngày càng ưa chuộng sản phẩm nhiệt đới và hữu cơ tại châu Âu.

Biểu đồ 4: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng rau quả (mã HS 08, 20) lớn nhất vào thị trường EU trong 5 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

5.1. Nhập khẩu mặt hàng quả và quả hạch (mã HS 08) vào EU

Trong bức tranh thương mại rau quả toàn cầu, thị trường EU tiếp tục nổi lên như một trong những điểm đến nhập khẩu lớn nhất, với nhu cầu tăng trưởng ổn định và đa dạng nguồn cung. Tháng 5/2025, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng rau quả (mã HS 08) của EU đạt tới 6,82 tỷ USD, tăng 9,97% so với tháng trước và tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025, giá trị nhập khẩu rau quả vào EU đã lên tới 29,23 tỷ USD, tăng 14,54% so với cùng kỳ, cho thấy xu hướng gia tăng tiêu dùng rau quả tươi và chế biến tại khu vực này đang diễn ra bền vững, bất chấp bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động.

Trong cơ cấu thị trường cung ứng (bao gồm cả các thị trường nội khối)c, Tây Ban Nha tiếp tục giữ vai trò nhà cung cấp số một. Riêng trong tháng 5/2025, các nước EU nhập khẩu từ Tây Ban Nha đạt 1,45 tỷ USD, tăng 22,51% so với tháng trước và tăng 11,13% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm, con số này đạt 4,77 tỷ USD, tăng 10,85%, chiếm 16,32% tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả của EU. Tuy nhiên, tỷ trọng này lại có xu hướng giảm nhẹ so với mức 16,87% của cùng kỳ năm 2024, cho thấy sự gia tăng đa dạng hóa nguồn cung từ các quốc gia khác ngoài Tây Ban Nha, dù nước này vẫn giữ vị thế dẫn đầu.

Bảng 4: Tình hình nhập khẩu mặt hàng rau quả của một số thành viên EU (mã HS 08) trong 5 tháng đầu năm 2025

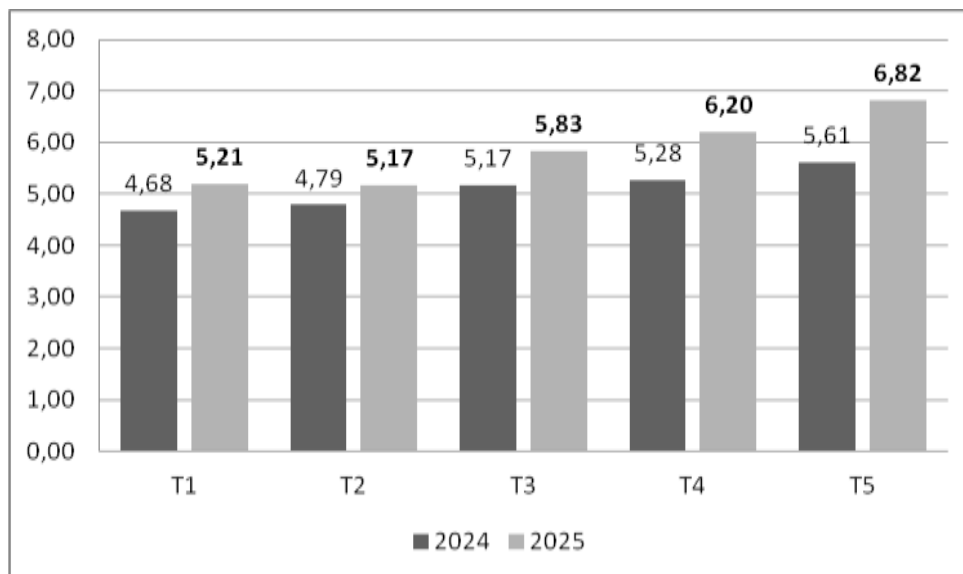
Thị trường	Tháng 5/2025			5 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 4/2025 (%)	So với Tháng 5/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 5 Tháng 2024 (%)	5 Tháng 2025 (%)	5 Tháng 2024 (%)
Tổng	6.821,82	9,97	21,70	29.230,52	14,54	100	100
Tây Ban Nha	1.246,86	22,51	11,13	4.770,72	10,85	16,32	16,87
Hà Lan	556,47	0,59	23,53	2.493,92	14,67	8,53	8,52
Hoa Kỳ	398,96	25,48	48,45	1.827,18	26,71	6,25	5,65
Đức	416,56	5,72	23,85	1.821,46	15,39	6,23	6,19
Morocco	366,91	-5,62	54,40	1.569,81	37,86	5,37	4,46
Peru	359,61	19,28	52,34	1.329,45	24,35	4,55	4,19
Italy	257,12	13,31	24,70	1.208,58	17,53	4,13	4,03
Nam Phi	209,60	-16,29	6,18	1.192,02	5,18	4,08	4,44
Thổ Nhĩ Kỳ	197,20	27,01	-2,45	938,35	2,28	3,21	3,60
Costa Rica	185,68	-14,41	9,84	869,15	2,25	2,97	3,33
Chile	242,81	38,41	57,17	860,59	32,27	2,94	2,55
Colombia	163,79	-2,23	28,03	856,62	8,51	2,93	3,09
Ecuador	182,37	0,53	17,42	845,09	9,49	2,89	3,02
Bỉ	192,85	28,38	12,68	745,25	6,55	2,55	2,74
Hy Lạp	106,88	-3,68	4,23	577,55	8,04	1,98	2,09
Pháp	120,43	2,46	27,32	514,70	9,21	1,76	1,85
Ba Lan	101,02	-2,01	20,49	491,76	12,80	1,68	1,71
Viet Nam	117,53	33,53	58,13	475,80	38,52	1,63	1,35
Brazil	92,82	-17,88	4,66	474,66	-4,99	1,62	1,96
Ai Cập	155,23	53,48	22,69	458,95	12,33	1,57	1,60
Bồ Đào Nha	117,93	16,08	35,01	446,14	21,08	1,53	1,44
Ấn Độ	100,01	-25,13	10,20	359,17	9,50	1,23	1,29
Trung Quốc	52,20	14,36	78,32	285,10	72,34	0,98	0,65

New Zealand	182,61	259,81	3,09	243,69	20,40	0,83	0,79
Côte d'Ivoire	80,11	80,36	14,54	238,04	10,18	0,81	0,85
Serbia	39,13	4,18	9,23	194,08	10,27	0,66	0,69
Kenya	33,00	24,98	-38,18	78,32	-15,86	0,27	0,36

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

Biểu đồ 5: Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng quả và quả hạch (mã HS 08) vào thị trường EU qua các tháng

DVT: Tỷ USD



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

Ở vị trí thứ hai, Hà Lan nổi bật như một trung tâm trung chuyển và cung ứng quan trọng. Tháng 5/2025, kim ngạch nhập khẩu từ Hà Lan đạt 556,47 triệu USD, tăng khiêm tốn 0,59% so với tháng trước nhưng lại ghi nhận mức tăng 23,53% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 5 tháng đầu năm, nhập khẩu từ Hà Lan đạt 2,5 tỷ USD, tăng 14,67% và chiếm 8,53% tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả của EU, gần như giữ nguyên so với tỷ trọng 8,52% của năm trước.

5.2. Nhập khẩu mặt hàng rau quả chế biến (mã HS 20) vào EU

Trong cơ cấu nhập khẩu của EU, nhóm hàng rau quả chế biến (mã HS 20) tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của người dân châu Âu. Tháng 5/2025, EU ghi nhận kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 3,22 tỷ USD, tăng nhẹ 0,57% so với tháng trước và tăng 9,78% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 5 tháng đầu năm, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 15,09 tỷ USD, tăng 4,35% so với cùng kỳ, cho thấy xu hướng ổn định của thị trường và cho thấy nhu cầu đối với rau quả chế biến vẫn duy trì đà tăng

trường tích cực, dù tốc độ không quá đột biến như nhóm rau quả tươi (mã HS 08).

Trong số các nguồn cung ứng, Hà Lan tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu, vừa là nhà sản xuất, vừa là trung tâm trung chuyển quan trọng. Riêng tháng 5/2025, các nước EU nhập khẩu từ Hà Lan 481,92 triệu USD, tăng 1,14% so với tháng trước và tăng 8,99% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu từ Hà Lan đạt 2,2 tỷ USD, tăng 5,31% so với cùng kỳ, chiếm 14,59% tổng nhập khẩu mặt hàng rau quả chế biến của EU, cao hơn mức 14,46% của cùng kỳ năm 2024. Sự gia tăng cả về kim ngạch và tỷ trọng cho thấy Hà Lan tiếp tục tận dụng tốt lợi thế về hệ thống logistics, cảng biển quốc tế và vai trò cửa ngõ phân phối vào châu Âu.

Bảng 5: Nhập khẩu mặt hàng rau quả chế biến của một số thành viên EU (mã HS 20) trong 5 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 5/2025			5 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 4/2025 (%)	So với Tháng 5/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 5 Tháng 2024 (%)	5 Tháng 2025 (%)	5 Tháng 2024 (%)
Tổng	3.219,53	0,57	9,78	15.091,29	4,35	100	100
Hà Lan	481,92	1,14	8,99	2.202,39	5,31	14,59	14,46
Đức	312,46	-0,19	5,10	1.464,72	1,53	9,71	9,98
Bỉ	310,61	4,91	7,92	1.386,27	-3,34	9,19	9,92
Italy	299,10	0,77	10,68	1.401,81	1,78	9,29	9,52
Tây Ban Nha	276,82	5,43	16,08	1.240,92	11,88	8,22	7,67
Thổ Nhĩ Kỳ	160,99	-3,08	11,12	855,79	8,96	5,67	5,43
Brazil	159,61	2,09	15,00	767,48	-2,60	5,09	5,45
Ba Lan	154,58	-6,41	15,99	748,65	13,28	4,96	4,57
Pháp	146,01	-4,60	3,00	692,03	6,12	4,59	4,51
Áo	95,69	-0,07	10,62	463,76	4,99	3,07	3,05
Hy Lạp	84,47	7,20	25,84	369,03	9,20	2,45	2,34
Trung Quốc	59,64	-8,28	18,82	342,79	13,62	2,27	2,09
Hungary	52,15	0,88	1,11	246,64	-3,85	1,63	1,77
Bồ Đào Nha	41,56	-4,94	10,33	198,84	6,52	1,32	1,29
Peru	32,67	45,90	62,34	143,70	22,87	0,95	0,81
Hoa Kỳ	30,75	21,92	-9,91	119,17	-12,13	0,79	0,94
Anh	29,73	6,10	-3,51	138,29	-5,67	0,92	1,01
Ấn Độ	29,01	0,18	-5,34	132,95	7,99	0,88	0,85

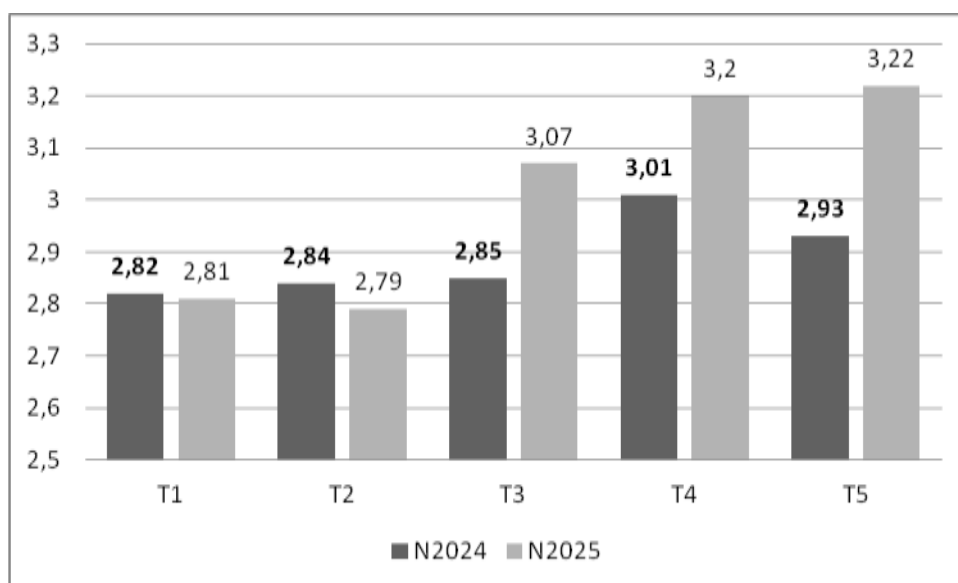
Thị trường	Tháng 5/2025			5 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 4/2025 (%)	So với Tháng 5/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 5 Tháng 2024 (%)	5 Tháng 2025 (%)	5 Tháng 2024 (%)
Ai Cập	26,37	-2,01	-19,59	112,26	-32,58	0,74	1,15
Thái Lan	25,56	-11,14	50,18	112,72	37,83	0,75	0,57
Costa Rica	24,43	35,02	35,50	103,77	21,67	0,69	0,59
Nam Phi	23,49	-16,39	32,86	112,96	52,06	0,75	0,51
Mexico	21,25	49,93	24,99	75,44	-22,90	0,50	0,68
Morocco	19,83	27,31	1,62	75,37	-3,44	0,50	0,54
Đan Mạch	18,65	3,76	3,72	83,45	-3,27	0,55	0,60
Séc	18,57	-6,60	-2,19	92,32	8,27	0,61	0,59
Viet Nam	17,10	14,65	23,55	80,02	29,02	0,53	0,43
Thụy Điển	15,29	8,13	-7,01	70,84	-13,10	0,47	0,56
Kenya	15,08	24,20	40,82	55,10	26,40	0,37	0,30
Philippines	15,02	2,39	14,06	58,97	21,79	0,39	0,33

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

Đức đứng ở vị trí thứ hai, với kim ngạch nhập khẩu từ EU trong tháng 5/2025 đạt 312,46 triệu USD, giảm nhẹ 0,19% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế 5 tháng, EU nhập khẩu từ Đức đạt 1,46 tỷ USD, tăng 1,53% so với cùng kỳ, chiếm 9,71% tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả chế biến, tuy nhiên lại giảm nhẹ so với tỷ trọng 9,98% của năm trước. Dù Đức vẫn duy trì vị thế là một trong những thị trường cung ứng quan trọng, tốc độ tăng trưởng và sức mở rộng thị phần đang chậm lại, song thị trường Đức vẫn chịu sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các quốc gia khác trong khối và ngoài khối EU.

Biểu đồ 6: Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng rau quả chế biến (mã HS 20) vào thị trường EU qua các tháng

ĐTV: Tỷ USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU RAU QUẢ TRONG THỰC THI EVFTA

1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU

Trong 7 tháng đầu năm 2025, hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên EVFTA chịu tác động mạnh mẽ từ nhiều yếu tố của bối cảnh kinh tế và thương mại toàn cầu. Thứ nhất, nhu cầu tiêu dùng rau quả tươi và các sản phẩm chế biến từ rau quả tại châu Âu gia tăng do xu hướng ẩm thực xanh, ưu tiên thực phẩm hữu cơ, an toàn và có lợi cho sức khỏe sau giai đoạn lạm phát kéo dài. Chính yếu tố này đã tạo điều kiện thuận lợi để rau quả Việt Nam, vốn có lợi thế về sự đa dạng, mùa vụ quanh năm và giá cả cạnh tranh, mở rộng thị phần.

Thứ hai, các biến động địa chính trị toàn cầu đã khiến chuỗi cung ứng nông sản tại châu Âu bị gián đoạn, thúc đẩy các quốc gia thành viên EVFTA tìm kiếm nguồn cung thay thế từ các nước đối tác, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, những bất ổn về khí hậu như hạn hán và nắng nóng kéo dài tại Nam Âu cũng làm giảm sản lượng rau quả nội khối, gia tăng nhu cầu nhập khẩu. Ngoài ra, việc EU tiếp tục triển khai các chính sách thương mại gắn với phát triển bền vững, như cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) hay các tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm, vừa tạo sức ép buộc doanh nghiệp Việt phải nâng cao chất lượng, vừa mở ra cơ hội khẳng định uy tín nếu đáp ứng tốt yêu cầu.

Một trong những yếu tố quan trọng khác nữa là xu hướng tiêu dùng xanh và bền vững ngày càng chiếm ưu thế, khi người dân châu Âu ưu tiên lựa chọn các sản phẩm có chứng nhận hữu cơ, quy trình sản xuất thân thiện môi trường, truy xuất nguồn gốc rõ ràng và tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm nghiêm ngặt. Sự thay đổi trong xu hướng tiêu dùng vừa tạo cơ hội cho rau quả Việt Nam vừa đặt ra thách thức về chi phí tuân thủ và đầu tư công nghệ sau thu hoạch.

Ngoài ra, sự cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia cung ứng lớn khác như Thái Lan, Peru, hay các nước Nam Mỹ cũng ảnh hưởng đến khả năng mở rộng thị phần của Việt Nam. Tuy vậy, những yếu tố đặc thù của thị trường EU cũng mở ra cơ hội: nhu cầu tiêu thụ trái cây nhiệt đới và sản phẩm chế biến sẵn ngày càng tăng, trong khi điều kiện khí hậu cực đoan tại Nam Âu khiến sản lượng rau quả nội khối sụt giảm, buộc nhiều quốc gia thành viên phải gia tăng nhập khẩu. Chính sự đan xen giữa rào cản kỹ thuật, áp lực cạnh tranh và xu hướng tiêu dùng mới từ EU đã góp phần định hình cơ cấu, kim ngạch và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu rau quả Việt Nam trong giai đoạn này.

2. Các yếu tố tác động từ thị trường Việt Nam

Trong 7 tháng đầu năm 2025, các yếu tố tác động đến xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên EVFTA như đã phân tích ở trên, ngoài nhu cầu và chính sách nhập khẩu của châu Âu, còn có những yếu tố nội tại từ chính thị trường trong nước.

Trước hết, sự mở rộng nhanh chóng của vùng nguyên liệu tập trung, cùng với việc đẩy mạnh áp dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế như GlobalGAP, VietGAP hay hữu cơ, đã giúp rau quả Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu khắt khe của EU về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Thứ hai, nỗ lực cải thiện hạ tầng logistics, đặc biệt là hệ thống kho lạnh, bảo quản sau thu hoạch và vận chuyển bằng đường biển, đã góp phần giảm tổn thất sau thu hoạch, đảm bảo chất lượng khi đến tay người tiêu dùng châu Âu.

Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ của Nhà nước thông qua việc thúc đẩy xúc tiến thương mại, đàm phán mở cửa thị trường và hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định mới của EU cũng là một động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu.

Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, một số hạn chế từ thị trường trong nước cũng tác động tiêu cực, như tình trạng sản xuất manh mún, thiếu tính liên kết chuỗi, chất lượng chưa đồng đều, hay công nghệ chế biến bảo quản còn hạn chế so với đối thủ cạnh tranh. Ngoài ra, chi phí logistics quốc tế vẫn ở mức cao khiến giá thành sản phẩm tăng, ảnh

hưởng đến khả năng cạnh tranh. Nhìn tổng thể, chính sự kết hợp giữa những điểm mạnh trong cải thiện chất lượng sản phẩm, sự hỗ trợ chính sách trong nước và những hạn chế nội tại về hạ tầng, tổ chức sản xuất đã trực tiếp định hình kết quả xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EVFTA trong 7 tháng đầu năm 2025.

III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Dự báo xu hướng

Trong những tháng còn lại của năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên EVFTA được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, nhờ sự cộng hưởng của cả yếu tố cung trong nước lẫn cầu từ thị trường châu Âu. Nhu cầu nhập khẩu rau quả tại EU dự kiến vẫn tăng cao khi mùa đông cận kề, nguồn cung nội khối suy giảm do điều kiện khí hậu bất lợi, trong khi xu hướng tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn và giàu dinh dưỡng ngày càng mạnh mẽ. Đây là cơ hội lớn để trái cây nhiệt đới và rau quả chế biến của Việt Nam mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, hiệu ứng từ EVFTA tiếp tục phát huy tác dụng, giúp nhiều mặt hàng rau quả Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan và tạo lợi thế cạnh tranh so với nguồn cung từ các quốc gia ngoài khối.

Ở trong nước, nhiều doanh nghiệp đã đẩy mạnh đầu tư vào chế biến sâu, nâng cao chất lượng và cải thiện logistics, giúp sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn khắt khe của EU.

Tuy vậy, xuất khẩu rau quả trong những tháng cuối năm cũng sẽ đối diện với một số thách thức, như chi phí vận tải quốc tế còn cao, nguy cơ gia tăng các rào cản kỹ thuật từ EU, cũng như sự cạnh tranh gay gắt từ các nước Nam Mỹ và châu Phi.

Nhìn chung, với xu hướng tiêu dùng thuận lợi, lợi thế từ hiệp định thương mại và sự cải thiện nội lực trong nước, nhiều khả năng xuất khẩu rau quả sang EVFTA sẽ khép lại năm 2025 với mức tăng trưởng, góp phần củng cố vị thế nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

2. Một số khuyến nghị

Để gia tăng xuất khẩu rau quả sang các thị trường thành viên EVFTA trong thời gian tới, ngành rau quả Việt Nam cần có chiến lược phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ từ khâu sản xuất đến tiêu thụ. Trước hết, việc xây dựng và mở rộng vùng nguyên liệu tập trung theo tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là GlobalGAP, hữu cơ và các chứng nhận bền vững, là yếu tố giúp sản phẩm đáp ứng được những yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường EU.

Song song đó, cần đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ bảo quản, chế biến sâu và logistics lạnh để giảm tổn thất sau thu hoạch, kéo dài thời gian bảo quản, từ đó nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Ngành cũng nên đẩy mạnh chuyển đổi số trong truy xuất nguồn gốc, minh bạch thông tin chuỗi cung ứng, nhằm tạo niềm tin cho đối tác nhập khẩu và người tiêu dùng châu Âu. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần chủ động nghiên cứu thị hiếu tiêu dùng tại từng quốc gia thành viên EVFTA để phát triển danh mục sản phẩm phù hợp, thay vì phụ thuộc vào một số mặt hàng truyền thống.

Về phía Nhà nước, việc tăng cường hỗ trợ xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin thị trường kịp thời, đào tạo nguồn nhân lực về tiêu chuẩn quốc tế và tháo gỡ rào cản kỹ thuật cho doanh nghiệp là những giải pháp mang tính nền tảng. Quan trọng hơn cả, ngành rau quả Việt Nam cần xây dựng thương hiệu quốc gia gắn liền với chất lượng, sự an toàn và phát triển bền vững, qua đó khẳng định vị thế lâu dài trên thị trường EU. Nếu triển khai đồng bộ các giải pháp này, rau quả Việt Nam hoàn toàn có thể không chỉ mở rộng thị phần, mà còn nâng cao giá trị xuất khẩu, tiến tới chinh phục bền vững thị trường khó tính bậc nhất thế giới.

Cán bộ theo dõi

Người thực hiện

Đặng Thùy Dương

Lê Thị Thanh Thủy